

NGHỊ QUYẾT

**Về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc
lĩnh vực tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 171/BC-BKTNS ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về lĩnh vực tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm:

1. Đối với cấp tỉnh:

- a) Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và quản lý đất đai;
- b) Lĩnh vực tài nguyên nước;
- c) Lĩnh vực khoáng sản;
- d) Lĩnh vực môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- e) Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

2. Đối với cấp huyện:

- a) Lĩnh vực quản lý đất đai;

- b) Lĩnh vực tài nguyên nước;
- c) Lĩnh vực khoáng sản;
- d) Lĩnh vực môi trường.

(Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2022. / *như*

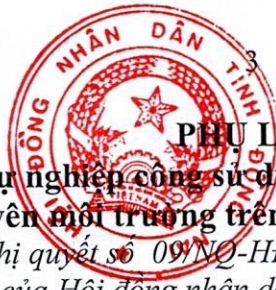
Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, CCHADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo



PHỤ LỤC

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về lĩnh vực tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	NỘI DUNG
A	Đối với cấp tỉnh
I	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc, bản đồ và quản lý đất đai
1	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ
1.1	Xây dựng, cập nhật siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý của địa phương.
1.2	Đo đạc lưới địa chính, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính.
1.3	Thành lập, bản đồ hành chính (trừ bản đồ hành chính cấp tỉnh) và bản đồ chuyên đề (bản đồ địa hình, bản đồ môi trường,...), một số loại bản đồ khác thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
1.4	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cập nhật bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 đối với phần đất liền, cửa sông thuộc phạm vi quản lý.
2	Lĩnh vực đất đai
2.1	Kiểm đếm, thống kê, lập, thẩm định phương án bồi thường.
2.2	Lập danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hàng năm tỉnh Đồng Nai.
2.3	Quản lý quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng, quỹ đất nhận chuyển nhượng nhưng chưa có dự án đầu tư hoặc chưa đấu giá quyền sử dụng đất; đất đã thu hồi và thuộc trách nhiệm quản lý của Tổ chức phát triển quỹ đất
2.4	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên đất đai.
2.5	Lập và điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất.
2.6	Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
2.7	Điều tra, đánh giá tài nguyên đất, chất lượng đất, thoái hoá đất, ô nhiễm đất.
2.8	Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể.
2.9	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

STT	NỘI DUNG
2.10	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ đất đai.
2.11	Đầu giá quyền sử dụng đất.
2.12	Lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quản lý vận hành cơ sở dữ liệu đất đai.
II	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước
1	Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
2	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên nước.
3	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước.
4	Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất.
5	Xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với lưu vực sông nội tỉnh.
6	Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.
7	Đánh giá mức độ suy giảm chất lượng nước, thiệt hại do sự cố ô nhiễm nguồn nước gây ra; phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt.
8	Điều tra, Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước sông nội tỉnh.
III	Dịch vụ lĩnh vực khoáng sản
1	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên khoáng sản.
2	Thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.
3	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản.
IV	Dịch vụ lĩnh vực môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
1	Quan trắc và phân tích dioxin.
2	Xây dựng Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.
3	Quản lý và vận hành hệ thống quan trắc tự động.

STT	NỘI DUNG
4	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học.
5	Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh.
6	Công tác bảo quản kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
7	Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường theo quy định của luật bảo vệ môi trường.
8	Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
9	Lập báo cáo hiện trạng môi trường; chuyên đề về môi trường; lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
10	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
11	Điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn.
12	Xây dựng nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh.
13	Các hoạt động liên quan đến bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.
a	Quan trắc, phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.
b	Xây dựng nội dung bảo tồn đa dạng sinh học; điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; điều tra, thống kê, kiểm kê, đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học.
14	Xây dựng và nâng cấp phát triển các phần mềm thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
15	Thu thập và quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường.
16	Biên mục, chỉnh lý và tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.
17	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường cấp tỉnh.
a	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt giai đoạn 05 năm/lần.
b	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 05 năm/lần.

STT	NỘI DUNG
18	Thống kê, cập nhật nguồn thải các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
19	Lập dự án, kế hoạch về quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
20	Kiểm tra, giám sát vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
V	Hoạt động thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
1	Quản lý, lưu trữ thông tin và dữ liệu về khí tượng thủy văn.
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý.
3	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.
4	Đánh giá tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu; giảm nhẹ khí thải nhà kính.
B	Đối với cấp huyện
I	Lĩnh vực quản lý đất đai
1	Lập phương án sử dụng đất đối với các khu đất được UBND tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý.
2	Thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
3	Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
4	Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.
5	Kiểm đếm, thống kê, lập, thẩm định phương án bồi thường.
6	Đo đạc, cắm mốc, chỉnh lý bản đồ địa chính, biên vẽ lập bản đồ địa chính khu đất, lập bản đồ chuyên đề, lập thủ tục đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai ở địa phương.
7	Chỉnh lý hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quản lý vận hành cơ sở dữ liệu đất đai.
8	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ đất đai.
II	Lĩnh vực tài nguyên nước
1	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ tài nguyên nước.
2	Thực hiện các dự án, đề án về bảo vệ tài nguyên nước.
III	Lĩnh vực tài nguyên khoáng sản
1	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

STT	NỘI DUNG
2	Thực hiện các dự án, đề án về bảo vệ tài nguyên khoáng sản.
IV	Lĩnh vực môi trường
1	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường.
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường.
3	Lập báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất.
4	Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật, y tế công lập, trường học, các cơ sở giam giữ của Nhà nước.
5	Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng
6	Thực hiện các dự án, đề án về bảo vệ môi trường